TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦN GIỜ** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 14/8/2023
Về việc ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Phúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Tân Sĩ

2. Bà Lê Thị Nga

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thụy Bích Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giờ tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thanh Long – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 123/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2021 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đặng Thanh H, sinh năm: 1972. (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 18, ấp B, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Bà Võ Thị Thu P, sinh năm: 1970. (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 1, ấp B, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Đặng Thanh H trình bày:

Ông và bà Võ Thị Thu P tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1994, đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 28, Quyển số I/94 ngày 20/5/1994 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc được 23 năm đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng ý kiến trong việc làm ăn, ông H cho rằng bà P liên tục gây nợ nhiều lần và ông H đã khắc phục trả nợ nhiều lần nhưng vẫn tái diễn, từ đó tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, không có tiếng nói chung, tính tình ngày càng không hợp, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt và vợ chồng ly thân

từ tháng 10/2020, ông H bỏ về cất nhà trên phần đất cha mẹ ruột của ông sống tại ấp Bình Thuận, xã Bình Khánh, huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh cho đến nay. Từ khi ly thân vợ chồng không qua lại và cũng không liên lạc nhau, mạnh ai nấy sống không quan tâm nhau. Nay ông xin được ly hôn với bà Võ Thị Thu P, vì mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được, tình cảm vợ chồng không còn.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Đặng Võ Phương P, sinh ngày 13/01/1995 và Đặng Võ Phương N, sinh ngày 20/9/2001. Hai con chung đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông H trình bày không có.

* Các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như lời khai tại phiên tòa, bị đơn bà Võ Thị Thu P trình bày: Chúng tôi tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1994, đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Khánh, huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc được 23 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là ông H thường xuyên qua lại thân thiện với người khác và thường xuyên đi qua đêm vào những ngày cuối tuần. Đến tháng 10/2020 ông H tự cất nhà ở riêng, từ đó tình cảm vợ chồng lạnh nhạt và vợ chồng sống ly thân nhau cho đến nay. Hiện tại, bà vẫn còn tình cảm với ông Đặng Thanh H nên bà không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Đặng Võ Phương P, sinh ngày 13/01/1995 và Đặng Võ Phương N, sinh ngày 20/9/2001. Hai con chung đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà P trình bày không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giờ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 và 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Quan điểm giải quyết vụ án: Xét yêu cầu ly hôn của ông Đặng Thanh H là chính đáng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông H.

Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, ông H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giờ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn ông Đặng Thanh H có đơn xin ly hôn với bà Võ Thị Thu P, sinh năm: 1970, hộ khẩu thường trú: Tổ 1, ấp B, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Quan hệ tranh chấp này là tranh chấp ly hôn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Tư cách tham gia tố tụng của các đương sự:

Căn cứ vào Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì:

Ông Đặng Thanh H tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn.

Bà Võ Thị Thu P tham gia tố tụng với tư cách là bị đơn.

[3] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Đặng Thanh H và bà Võ Thị Thu P tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1994, có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 28, quyển số I/94 ngày 20/5/1994 tại Ủy ban nhân dân xã Bình Khánh, huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy hôn nhân giữa ông H và bà P được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống thì ông H và bà P không có hạnh phúc, ông H cho rằng bà P thường xuyên làm nợ nhiều lần và ông H đã khắc phục trả nợ nhưng vẫn tái diễn, dẫn đến ông H buồn bực thường xuyên không ở nhà, từ đó tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, không có tiếng nói chung. Bà P cho rằng ông H thường xuyên qua lại thân thiện với người khác và thường xuyên đi qua đêm vào những ngày cuối tuần, từ đó tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, không có tiếng nói chung và từ năm 2020 vợ chồng ly thân nhau. Ông H bỏ về cất nhà trên phần đất cha mẹ ruột của ông sống, kể từ khi ly thân vợ chồng không liên lạc qua lại nhau và cũng không quan tâm nhau trong cuộc sống cho tới nay. Trong quan hệ hôn nhân, khi đã là vợ chồng thì cả hai phải cùng có nghĩa vụ chung sống với nhau, thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc và chung lo cuộc sống gia đình. Tuy nhiên hôn nhân giữa ông H và bà P lâm vào tình trạng trầm trọng, mỗi người sống mỗi nơi, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Bà P xin đoàn tụ nhưng bà P không có biện pháp gì để hàn gắn hạnh phúc gia đình trong thời gian vợ chồng sống ly thân. Xét thấy, yêu cầu xin ly hôn của ông H là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về quan hệ con chung: Ông H và bà P có 02 con chung là Đặng Võ Phương P, sinh ngày 13/01/1995 và Đặng Võ Phương N, sinh ngày 20/9/2001. Hai con chung đã trưởng thành.

- Về tài sản chung và nợ chung: Do ông H và bà P không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Do ông Đặng Thanh H là người nộp đơn xin ly hôn nên ông phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 71, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ vào các Điều 2, 6, 7, 9, 30 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Đặng Thanh H ly hôn với bà Võ Thị Thu P.

2. Về quan hệ con chung: Có 02 con chung tên Đặng Võ Phương P, sinh ngày 13/01/1995 và Đặng Võ Phương N, sinh ngày 20/9/2001. Hai con chung đã trưởng thành.

3. Về nợ chung và tài sản chung: Hai bên đương sự không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí:

Ông Đặng Thanh H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0045418 ngày 09 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giờ. Ông Đặng Thanh H đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm

5. Quyền kháng cáo:

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

6. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Cần Giờ;
- Chi cục THADS huyện Cần Giờ;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trọng Phúc